

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2024.08.26.82/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Bùn thải Trạm Km 7 – XNCN Tp số 2
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.08.06/BBGM. Ngày 06 tháng 08 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50 - 2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)(*)	mg/l	9,43	40	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
2	pH(*)	-	11,6	-	US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
3	Hàm lượng Bari (*)	ppm	49,43	2000	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
4	Hàm lượng Bạc (Ag)(*)	ppm	0,41	100	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
5	Hàm lượng Cadimi(*)	ppm	0,37	10	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
6	Chì(*)	ppm	9,45	300	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
7	Hàm lượng Coban (Co) (*)	ppm	15,46	1600	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
8	Kẽm (Zincum) (Zn) (*)	ppm	34,08	5000	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
9	Nickel (Ni) (*)	ppm	10,72	1400	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
10	Seleni (Se) (*)	ppm	18,44	20	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2024.08.26.83/TN



- 01 Tên đơn vị yêu cầu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Bùn thải Trạm Chiềng Ly – CNCN Thuận Châu
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.08.06/BBGM. Ngày 06 tháng 08 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50 - 2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)(*)	mg/l	9,56	40	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
2	pH(*)	-	11,3	-	US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
3	Hàm lượng Bari (*)	ppm	49,51	2000	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
4	Hàm lượng Bạc (Ag)(*)	ppm	0,45	100	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
5	Hàm lượng Cadimi(*)	ppm	0,33	10	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
6	Chì(*)	ppm	9,45	300	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
7	Hàm lượng Coban (Co) (*)	ppm	15,41	1600	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
8	Kẽm (Zincum) (Zn) (*)	ppm	34,02	5000	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
9	Nickel (Ni) (*)	ppm	10,69	1400	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
10	Seleni (Se) (*)	ppm	19,15	20	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH SƠN LA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
PHÒNG THỬ NGHIỆM VLAT-0142, ISO 9001 : 2015, LAS XD 1098

Địa chỉ: Đường Vũ Xuân Thiều, phường Chiềng An, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La
Tel: 0212.3789.927 Email: Vilas128sl@gmail.com/ BM 5.10.01-01



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Số : 2024.08.26.84/TN



- 01 Tên đơn vị thử mẫu : Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
02 Địa chỉ : Số 55 đường Tô Hiệu – TP Sơn La – Tỉnh Sơn La
03 Loại mẫu : Bùn thải Trạm Bưu Điện – CNCN Mộc Châu
04 Số lượng mẫu : 01
05 Biên bản giao mẫu : Số 2024.08.06/BBGM. Ngày 06 tháng 08 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 50 - 2013/BTNMT Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H (ppm)	Phương pháp phân tích
1	Asen (As)(*)	mg/l	9,43	40	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
2	pH(*)	-	11,5	-	US EPA Method 9040C & US EPA Method 9045D
3	Hàm lượng Bari (*)	ppm	49,48	2000	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
4	Hàm lượng Bạc (Ag)(*)	ppm	0,41	100	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
5	Hàm lượng Cadimi(*)	ppm	0,30	10	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
6	Chi(*)	ppm	9,44	300	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
7	Hàm lượng Coban (Co) (*)	ppm	15,36	1600	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
8	Kẽm (Zincum) (Zn) (*)	ppm	34,05	5000	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
9	Nickel (Ni) (*)	ppm	10,64	1400	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017
10	Seleni (Se) (*)	ppm	18,58	20	US EPA Method 3051A+ SMEWW 3125B:2017

[illegible]

Sơn La, ngày 26 tháng 08 năm 2024

Thử nghiệm viên

Kiểm soát

Giám đốc

Thong



Điều Thị Thương

Điều Khắc Đa

Đỗ Mạnh Thắng

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện (nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp phân tích). "-": Không quy định.
- Báo cáo này bao gồm 02 trang.
- Mẫu do khách hàng mang đến
- (*) các chỉ tiêu được phân tích bởi nhà thầu phụ.
- Không lưu mẫu. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu nêu trên
- Không được sao trích kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng